TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 12 – 6 – 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Lý Tuấn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2023/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2023/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố X, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2023 và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị T tự quen biết, tìm hiểu nhau hơn 01 năm và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X ngày 12/6/1987. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai vợ chồng. Ông làm nghề thợ điện tự do, bà T là thợ may quần áo tại nhà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 22 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn. Khoảng vào năm 2012, ông phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và vợ chồng ông cũng ly thân từ đó. Mặc

dù đã ly thân nhưng bà T vẫn còn sinh sống tại nhà số A, khóm B, phường C cho đến nay. Ông và bà T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này. Thời gian gần đây, bà T thường xuyên vắng nhà, đi đâu đó với bạn bè, có khi khoảng 01 giờ - 2 giờ khuya, bà T nhận được điện thoại của một người nào đó rồi đi đến 02 ngày mới về. Do ông và bà T đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau hơn 10 năm. Thời gian qua, ông không gửi đơn yêu cầu ly hôn do không muốn đi lại tại Tòa án. Tuy nhiên, thời gian gần đây, bà T thường xuyên đi sớm về khuya, bản thân ông không biết bà T đã làm công việc gì nên ông muốn ly hôn cho rõ ràng, tránh phiền phức về pháp luật sau này.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do mối quan hệ hôn nhân giữa ông D, bà T không còn tồn tại từ lâu, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Do bà T không có ý kiến tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lắng nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Lê Văn D và bà Trương Thị T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, theo xác nhận của Công an phường C thể hiện, bà T đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số A, khóm B, phường C, đã đủ cơ sở để xác định bà T có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Ngày 11/6/2023, ông D có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Trương Thị T tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường X, cấp Giấy Chứng nhận

kết hôn số 48/87, quyển số 01 ngày 12/6/1987 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Ông D cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng ông đã không còn quan tâm đến nhau hơn 10 năm qua. Phía bà T được Tòa án nhiều lần triệu tập, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bà T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông D, không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, ông D và bà T không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân không còn tồn tại. Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông D được ly hôn bà T.

[6] Về con chung: Ông D trình bày không có.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà T về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001619 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn D được ly hôn bà Trương Thị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông D đã nộp 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001619 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông D và bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND phường X
(GCNKH số: 48/87 ngày 12/6/1987);
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh